

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2020

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

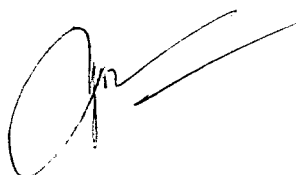
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2020**

<i>STT</i>	<i>BIỂU SỐ</i>	<i>NỘI DUNG BIỂU</i>	<i>KỲ BÁO CÁO</i>	<i>TRANG</i>
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ II NĂM 2020	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ II NĂM 2020	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ II NĂM 2020	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ II NĂM 2020	5-20

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ II NĂM 2020

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2020	NGÀY 01/01/2020
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.615.340.637	112.985.177.550
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	29.128.627.656	18.012.704.619
1 - Tiền	111		29.128.627.656	18.012.704.619
2 - Các khoản tương đương tiền	112			-
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.831.959.146	47.435.284.146
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	37.530.203.444	34.885.665.848
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.644.651.448	5.748.996.287
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	18.905.106.382	17.098.296.889
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.248.002.128)	(10.297.674.878)
IV - Hàng tồn kho	140		27.564.295.996	34.706.274.762
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	27.564.295.996	34.706.274.762
2 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		10.090.457.839	12.830.914.023
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1.649.742.064	2.053.768.942
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		66.570.858	2.401.882.759
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.374.144.917	8.375.262.322
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		452.656.428.769	499.319.125.474
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II - Tài sản cố định	220		429.937.424.261	472.254.781.761
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	429.937.424.261	472.254.781.761
- Nguyên giá	222		1.400.501.922.211	1.474.659.127.438
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(970.564.497.950)	(1.002.404.345.677)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		238.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.654.500)	(238.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	396.966.798	413.979.660
- Nguyên giá	231		6.636.446.595	6.636.446.595
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(6.239.479.797)	(6.222.466.935)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	819.936.291	763.686.291
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		819.936.291	763.686.291
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.284.124.005	4.308.029.805
1 - Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 - Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.714.344.520)	(1.690.438.720)
V - Tài sản dài hạn khác	260		17.217.977.414	21.578.647.957
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	17.217.977.414	21.578.647.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		570.271.769.406	612.304.303.024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020


NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2020	NGÀY 01/01/2020
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		504.896.683.538	549.232.307.900
I - Nợ ngắn hạn	310		246.365.487.638	260.002.510.346
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	37.860.652.737	56.414.358.799
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	53.098.306	39.508.724
4 - Phải trả người lao động	314		5.761.161.991	13.759.724.744
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	317.178.489	3.434.754.003
6 - Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			-
7 - Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	1.624.046.462	58.129.869
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	39.238.596.058	35.534.252.915
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	159.643.906.495	148.510.134.192
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.866.847.100	2.251.647.100
II - Nợ dài hạn	330		258.531.195.900	289.229.797.554
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	78.323.288.900	75.695.237.554
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	180.207.907.000	213.534.560.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		65.375.085.868	63.071.995.124
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	65.375.085.868	63.071.995.124
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(217.557.635.986)	(219.860.726.730)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(235.487.146.439)	(249.133.828.468)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		17.929.510.453	29.273.101.738
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		570.271.769.406	612.304.303.024

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU


 Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 Trần Thị Thanh Hương


 TÔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 VẬN TẢI BIỂN
 VINASHIP
 HẢI PHÒNG - TP. HẢI PHÒNG
 VƯƠNG NGỌC SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số : B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

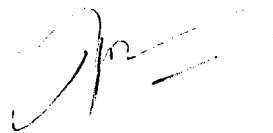
QUÝ II NĂM 2020

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ II	
			QUÝ II NĂM 2020	QUÝ II NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2019
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	107.400.783.068	173.710.086.355	245.596.731.259	360.649.483.924
2- Các khoản giảm trừ	02			-	-	
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	107.400.783.068	173.710.086.355	245.596.731.259	360.649.483.924
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	109.912.152.114	168.123.367.770	246.782.952.035	331.448.238.329
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		(2.511.369.046)	5.586.718.585	(1.186.220.776)	29.201.245.595
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	4.526.680.817	226.280.909	4.534.139.732	275.808.843
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	5.528.760.896	5.846.592.642	16.179.054.413	10.619.023.812
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		5.112.516.247	4.517.075.981	10.783.753.356	9.141.370.533
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	841.959.649	2.868.143.093	2.406.561.552	6.251.297.941
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	3.765.270.267	5.887.964.848	8.432.402.715	11.885.765.409
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)	30		(8.120.679.041)	(8.789.701.089)	(23.670.099.724)	720.967.276
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	26.050.190.348	122.210.618	26.050.191.043	26.016.380.024
12 - Chi phí khác	32	VI.31	854	9.481	77.000.575	70.097.401
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		26.050.189.494	122.201.137	25.973.190.468	25.946.282.623
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		17.929.510.453	(8.667.499.952)	2.303.090.744	26.667.249.899
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51			-	-	
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		17.929.510.453	(8.667.499.952)	2.303.090.744	26.667.249.899
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		896		115	1.333
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			(433)		

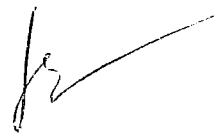
Lập ngày 15 tháng 07 năm 2020

NGƯỜI LẬP

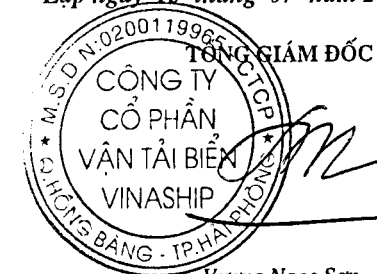


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số : B03 -DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ II NĂM 2020

Đơn vị tính : đồng

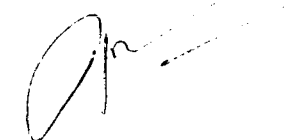
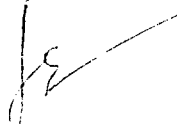
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			NĂM 2020	NĂM 2019
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		255.802.418.236	356.169.061.312
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(193.644.340.015)	(292.070.200.004)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(43.016.383.659)	(42.379.551.127)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(4.807.300.111)	(2.331.736.957)
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.688.967.351	6.552.934.473
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.858.885.000)	(20.408.108.513)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		8.164.476.802	5.532.399.184
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(416.250.000)	(1.585.651.818)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		26.050.000.000	19.190.363.637
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.954.630	21.146.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.662.704.630	17.625.858.249
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII	2.740.000.000	7.480.000.000
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII	(25.397.024.829)	(31.365.000.000)
5 - Tiền chi trả nợ thuê tài chính			-	
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.657.024.829)	(23.885.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		11.170.156.603	(726.742.567)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		18.012.704.619	27.652.496.804
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(54.233.566)	(49.849.375)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		29.128.627.656	26.875.904.862

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Trương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **QUY II NĂM 2020**

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51 %

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam
- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2020, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2020, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 495 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý II năm 2020 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Từ sau những diễn biến bất lợi của thị trường vận tải biển trong quý 1 và sự bùng phát dịch bệnh viêm phổi cấp do virus Covid 19, thị trường Trung Quốc đã suy giảm mạnh về đơn hàng, buộc các tàu đôn về khai thác ở khu vực Đông Nam á và nội địa tăng lên, chân hàng vận chuyển không có cải thiện nên thiếu nguồn hàng và giá cước tiếp tục giảm, kéo theo hệ lụy tắc nghẽn cầu bến bốc xếp và dỡ hàng. Trên tuyến nội địa, nhóm hàng chính có sản lượng lớn là hàng than cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện khu vực Trung,Nam Bộ do nhiều cụm nhiệt điện cắt giảm sản lượng điện, kéo theo nhu cầu tiêu thụ than giảm và giá cước giảm theo.

Trong quý 2,Công ty có 01 tàu lên đà sửa chữa định kỳ , thời gian dừng vận doanh 40 ngày.

Tất cả những nguyên nhân trên gây sụt giảm doanh thu của Công ty trong quý 2 so với cùng kỳ năm ngoái.

Tuy vậy, nhờ giảm được chi phí chênh lệch tỷ giá cuối kỳ và trong quý 2 bán thanh lý một tàu già nên lợi nhuận sản xuất kinh doanh của công ty tăng so với cùng kỳ năm trước.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- **Kỳ kế toán năm** : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2020 bắt đầu từ ngày 01/04/2020 đến 30/06/2020.

2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Chế độ kế toán áp dụng** : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán** :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- **Hình thức kế toán áp dụng** :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán** :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.Tỷ giá mua bán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	415.295.509	1.120.617.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.713.332.147	16.892.087.619
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u><u>29.128.627.656</u></u>	<u><u>18.012.704.619</u></u>
2- Các khoản đầu tư tài chính		
	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.998.468.525	5.998.468.525
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2020</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
Cộng	<u><u>5.998.468.525</u></u>	<u><u>5.998.468.525</u></u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(1.190.800.000)	(1.177.000.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(523.544.520)	(513.438.720)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	-
Cộng	<u><u>(1.714.344.520)</u></u>	<u><u>(1.690.438.720)</u></u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	2.311.173.251	5.731.682.434
- Cty TNHH Đầu tư và TM Quốc tế Gia Nguyễn	1.196.313.560	4.425.936.150
- Cty CP Vận tải biển Hoàn Sơn	16.861.086.556	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	17.161.630.077	24.728.047.264
Cộng	<u><u>37.530.203.444</u></u>	<u><u>34.885.665.848</u></u>
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Tạm ứng	5.386.432.415	4.050.372.615
- Ký cược, ký quỹ	12.000.000	-
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	2.237.596.252	834.844.398
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hệ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- BH tai nạn	9.965.886	8.621.886
- Bảo hiểm xã hội	240.391.813	200.534.141
- Bảo hiểm thất nghiệp	37.367.090	31.963.151

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	2.983.955.413
- Các khoản chi hộ	18.322.977	1.055.646.198
- Các khoản phải thu khác	636.586.962	589.871.513
+ Phải thu khác	<u>636.586.962</u>	<u>589.871.513</u>
Cộng	<u>18.905.106.382</u>	<u>17.098.296.889</u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	96.689.200	96.689.200
- Cty TNHH TMDV XNK Phan Thành Phát	-	49.672.750
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	773.453.800	773.453.800
-Nguyễn Văn Bình	259.350.000	259.350.000
-Cty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	347.846.800	347.846.800
Cộng	<u>10.248.002.128</u>	<u>10.297.674.878</u>
6- Hàng tồn kho	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	27.362.570.030	33.848.150.422
- Chi phí dịch vụ dở dang	-	656.398.374
- Hàng hoá	<u>201.725.966</u>	<u>201.725.966</u>
Cộng	<u>27.564.295.996</u>	<u>34.706.274.762</u>
7- Xây dựng cơ bản dở dang	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lò đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	<u>727.979.091</u>	<u>671.729.091</u>
Cộng	<u>819.936.291</u>	<u>763.686.291</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 06 tháng năm 2020

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ		24.054.233.362	1.450.139.987.133	130.752.694	334.154.249	1.474.659.127.438
2. Số tăng trong kỳ		-	360.000.000	-	-	360.000.000
Trong đó :						
- Do mua sắm			360.000.000			360.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ		-	74.517.205.227	-	-	74.517.205.227
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán			74.517.205.227			74.517.205.227
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
4. Số cuối kỳ		24.054.233.362	1.375.982.781.906	130.752.694	334.154.249	1.400.501.922.211
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.713.597.924	82.479.236.753	100.752.694	334.154.249	86.627.741.620
- Chờ thanh lý						
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ						
1. Đầu kỳ		15.855.938.695	986.098.638.282	115.614.451	334.154.249	1.002.404.345.677
2. Tăng trong kỳ		498.311.796	42.176.902.846	2.142.858	-	42.677.357.500
- Khấu hao		498.311.796	42.176.902.846	2.142.858	-	42.677.357.500
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3. Giảm trong kỳ		-	74.517.205.227	-	-	74.517.205.227
- Thanh lý, nhượng bán			74.517.205.227			74.517.205.227
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
4. Số cuối kỳ		16.354.250.491	953.758.335.901	117.757.309	334.154.249	970.564.497.950
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		8.198.294.667	464.041.348.851	15.138.243	-	472.254.781.761
2. Cuối kỳ		7.699.982.871	422.224.446.005	12.995.385	-	429.937.424.261
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			419.323.443.558			419.323.443.558

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

9- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình 06 tháng năm 2020

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
4. Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2. Tăng trong kỳ	-	-	-
Do trích khấu hao		-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
III - Giá trị còn lại			
1. Đầu kỳ	-	-	-
2. Cuối kỳ	-	-	-

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 06 tháng năm 2020: Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư 06 tháng năm 2020

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	6.508.156.449	128.290.146	6.636.446.595
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Do chuyển từ TSCĐ sang			-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	6.508.156.449	128.290.146	6.636.446.595
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu kỳ	6.094.176.789	128.290.146	6.222.466.935
2. Số tăng trong kỳ	17.012.862	-	17.012.862
- Do chuyển từ TSCĐ sang		-	-
- Do trích khấu hao	17.012.862	-	17.012.862
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số cuối kỳ	6.111.189.651	128.290.146	6.239.479.797
III - Giá trị còn lại			
1. Số dư đầu kỳ	413.979.660	-	413.979.660
4. Số dư cuối kỳ	396.966.798	-	396.966.798

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	1.649.742.064	2.053.613.742
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	155.200
Cộng	1.649.742.064	2.053.768.942
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	17.217.977.414	21.578.647.957
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	17.217.977.414	21.578.647.957
14- Vay và nợ thuê tài chính	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
a) Vay ngắn hạn	35.000.000.000	34.100.000.000
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	35.000.000.000	34.100.000.000
b) Vay dài hạn	304.851.813.495	327.944.694.192
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	124.643.906.495	114.410.134.192
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	43.409.000.000	32.955.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	81.234.906.495	67.648.109.363
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	-	13.807.024.829
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	180.207.907.000	213.534.560.000
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	45.801.450.000	56.755.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	134.406.457.000	147.529.110.000
+ Nợ dài hạn DATC	-	9.250.000.000
Cộng	339.851.813.495	362.044.694.192
15- Phải trả người bán	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	172.007.063	8.481.089.570
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	3.709.909.762	12.348.134.764
PT Indofuels Limited	8.558.046.001	-
Phải trả các đối tượng khác	25.420.689.911	35.585.134.465
Cộng	37.860.652.737	56.414.358.799
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
a) Phải nộp		
- Thuế thu nhập cá nhân	53.098.306	39.508.724
Cộng	53.098.306	39.508.724
b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
- Thuế GTGT nộp thừa	-	1.117.405
Cộng	8.374.144.917	8.375.262.322

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

17- Chi phí phải trả	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	304.129.398	208.456.320
- Chi phí phải trả khác	13.049.091	3.226.297.683
	<u>317.178.489</u>	<u>3.434.754.003</u>
18- Phải trả khác	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	307.631.636	454.576.050
- Kinh phí công đoàn	881.362.312	756.186.623
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	72.436.286	89.469.762
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	5.887.200	7.240.234
- Thuế TNCN	38.586.011	35.339.868
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	9.525.305.000	9.525.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.961.542.474	1.934.534.549
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	25.397.508.122	22.094.059.356
- Phải trả lãi vay công ty mua bán nợ VN (DATC)	5.764.719.319	8.151.263.151
- Phải trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam	4.773.590.144	1.723.289.528
- Phải trả lãi vay các ngân hàng TMCP	14.859.198.659	12.219.506.677
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.048.337.017	637.541.473
Cộng	<u>39.238.596.058</u>	<u>35.534.252.915</u>
Dài hạn		
Phải trả lãi vay NH TMCP	24.631.976.031	22.003.924.685
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	53.691.312.869	53.691.312.869
Cộng	<u>78.323.288.900</u>	<u>75.695.237.554</u>
19- Doanh thu chưa thực hiện	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.624.046.462	58.129.869
Cộng	<u>1.624.046.462</u>	<u>58.129.869</u>

20- Tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 06 tháng năm 2020**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(249.133.828.468)	33.798.893.386
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2019				29.273.101.738	29.273.101.738
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
-Lỗ Quý I				(15.626.419.709)	(15.626.419.709)
-Lãi quý II				17.929.510.453	17.929.510.453
Số dư cuối ngày 30/06/2020	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(217.557.635.986)	65.375.085.868

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 19/05/2020</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5,17%	-	10.349.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VDL	98.000.000.000	87.650.500.000
Cộng	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>
 c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u>200.000.000.000</u>	<u>200.000.000.000</u>
 d) Cổ phiếu		
	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
d) Cổ tức		
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	0	-
+ Số dư quỹ cuối năm	<u><u>82.932.721.854</u></u>	<u><u>82.932.721.854</u></u>
 23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán		
	<u>Ngày 30/06/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	755.657,50	307.442,76

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>06 tháng Năm 2020</u>	<u>06 tháng Năm 2019</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	245.596.731.259	360.649.483.924
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.596.731.259	360.649.483.924
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	189.273.098.603	258.700.040.623
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	56.323.632.656	101.949.443.301
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	245.596.731.259	360.649.483.924
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	193.478.316.363	232.150.624.652
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	53.304.635.672	99.297.613.677
Cộng	246.782.952.035	331.448.238.329
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.953.540	21.146.430
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.200	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.505.178.992	254.662.413
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
Cộng	4.534.139.732	275.808.843
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
- Chi phí lãi vay	10.783.753.356	9.141.370.533
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	4.847.510.139	188.264.264
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	523.656.502	1.274.993.049
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	23.905.800	14.168.600
- Chi phí tài chính khác	228.616	227.366
Cộng	16.179.054.413	10.619.023.812
30- Thu nhập khác	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	26.050.000.000	25.894.169.406
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	9.090.909	-
- Các khoản khác	9.281.952	122.210.618
Cộng	26.050.191.043	26.016.380.024
31- Chi phí khác	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
- Phạt chậm nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp	-	17.920
- Các khoản bị phạt	76.721	2.746
- Các khoản khác	76.923.854	70.076.735
Cộng	77.000.575	70.097.401

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
a) Chi phí bán hàng	2.406.561.552	6.251.297.941
Hoa hồng phí cho các tàu	2.406.561.552	6.251.297.941
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.432.402.715	11.885.765.409
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	476.703.563	643.171.219
Chi phí nhân công	6.055.173.353	7.933.697.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.792.670	203.798.272
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	6.000.000
Chi phí hoàn nhập dự phòng	(49.672.750)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	714.413.067	2.475.471.607
Chi phí khác bằng tiền	1.026.992.812	623.626.389
Cộng	10.838.964.267	18.137.063.350

33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :

	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.841.175.012	108.875.171.252
- Nhiên liệu	71.055.973.735	91.603.896.344
- Nguyên liệu, vật liệu	4.785.201.277	17.271.274.908
33.2- Chi phí nhân công	41.480.431.890	46.380.154.559
- Tiền lương	33.465.916.614	38.846.950.030
- BHXH	3.068.516.465	3.042.833.255
- Bảo hiểm y tế	384.598.823	373.980.732
- Bảo hiểm thất nghiệp	175.631.866	173.876.186
- Kinh phí công đoàn	528.273.622	347.747.356
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	3.857.494.500	3.594.767.000
33.3- Chi phí trích lập dự phòng	(49.672.750)	-
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.694.370.362	44.247.277.063
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.264.612.535	145.148.851.080
33.6- Chi phí khác bằng tiền	3.277.206.423	2.432.277.870
Cộng	248.508.123.472	347.083.731.824

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	2.740.000.000	7.480.000.000
- Tiền thu từ đi vay	2.740.000.000	7.480.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	25.397.024.829	31.365.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	25.397.024.829	31.365.000.000

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**3) NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý**

Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam

	06 tháng Năm 2020	06 tháng Năm 2019
- Phải thu của người mua Tổng cty Hàng hải VN	-	-
Phát sinh trong kỳ:	-	5.043.019.200
Đã thu trong kỳ	-	5.043.019.200
- Phải trả người bán Tổng cty Hàng hải VN	-	-
THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1.212.669.569	964.238.857
trong đó Thu nhập của Tổng Giám đốc	253.575.469	259.005.722

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

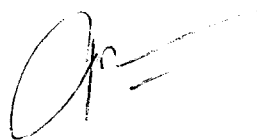
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý II năm 2020	06 tháng Năm 2020	Quý II năm 2019	06 tháng Năm 2019
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	85.469.133.814	189.273.098.603	118.701.049.608	258.700.040.623
- Chi phí	92.785.684.593	204.317.280.630	122.883.933.770	249.753.591.188
- Lợi nhuận	(7.316.550.779)	(15.044.182.027)	(4.182.884.162)	8.946.449.435
Hoạt động dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	21.931.649.254	56.323.632.656	55.009.036.747	101.949.443.301
- Chi phí	21.733.697.437	53.304.635.672	53.995.541.941	99.831.710.491
- Lợi nhuận	197.951.817	3.018.996.984	1.013.494.806	2.117.732.810
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	4.526.680.817	4.534.139.732	226.280.909	275.808.843
- Chi phí tài chính	5.528.760.896	16.179.054.413	5.846.592.642	10.619.023.812
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(1.002.080.079)	(11.644.914.681)	(5.620.311.733)	(10.343.214.969)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	26.050.190.348	26.050.191.043	122.210.618	26.016.380.024
- Chi phí hoạt động khác	854	77.000.575	9.481	70.097.401
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	26.050.189.494	25.973.190.468	122.201.137	25.946.282.623

NGƯỜI LẬP

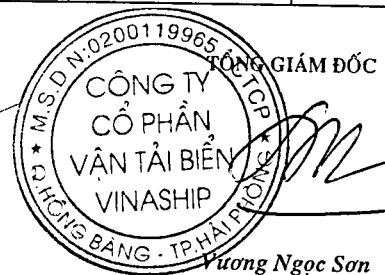


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Vương Ngọc Sơn